**TÌM HIỂU NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN, PHÁP LÝ VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN**

**KHAI SINH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH Ở VIỆT NAM**

Có nhiều cách hiểu khác nhau về quyền con người, trong đó một số nhà nghiên cứu về quyền con người cho rằng "Quyền con người thường được hiểu là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên vốn có của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế". Từ cách hiểu này, quyền con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và quốc tế. Trong xu thế hiện nay, quyền con người được các nước trên thế giới quan tâm, ghi nhận và bảo vệ. Ở góc độ pháp luật quốc tế, đã có một hệ thống các văn bản pháp luật được ban hành để bảo vệ các quyền của con người như: Tuyên ngôn thế giới về quyền con người được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội được thông qua năm 1966, Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt, đối xử với phụ nữ được thông qua năm 1979; Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989.... Việt Nam là một trong những nước tích cực và chủ động tham gia nhiều công ước quốc tế về quyền con người. Ở góc độ pháp luật trong nước, Nhà nước ta đã ban hành một hệ thống các văn bản pháp luật từ Hiến pháp như Luật Trẻ em, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Quốc tịch, Luật Nuôi con nuôi... và văn bản dưới luật để bảo vệ quyền con người trên thực tế.

Nhà nước ta luôn khẳng định con người có vị trí trung tâm, là mục tiêu của các chính sách kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo đầy đủ các quyền của con người là nhân tố quan trọng trong đảm bảo sự phát triển bền vững và thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mọi chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đều hướng tới một mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Quyền con người là một thuật ngữ chung chứa trong đó rất nhiều các quyền khác nhau được pháp luật ghi nhận và bảo vệ như :"quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"....; Có thể nói, để trở thành một người có đầy đủ các quyền thì ở mặt nào đó con người có quyền được ghi nhận sự tồn tại của mình là một thành viên của xã hội, đây là quyền hết sức quan trọng, qua sự ghi nhận đó con người xác định được mình có họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; quê quán; quốc tịch; quan hệ cha, mẹ, con;.... Từ việc ghi nhận đó, Nhà nước có trách nhiệm trong việc bảo hộ các quyền mà công dân có và bảo đảm cho công dân thực hiện trên thực tế. Theo quy định của pháp luật nước ta, việc ghi nhận con người được sinh ra đó chính là khai sinh.

**I. NỘI DUNG CỦA QUYỀN KHAI SINH**

Qua cách hiểu về quyền khai sinh đã nêu ở trên và các quy định pháp luật có liên quan, có thể thấy quyền khai sinh là một trong những quyền nhân thân quan trọng bậc nhất của mỗi cá nhân. Quyền này được ghi nhận tại Công ước về các quyền dân sự, chính trị và Công ước quốc tế về quyền trẻ em (cả hai công ước này Việt Nam đều là thành viên), và được nội luật hóa trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam. Cụ thể, Điều 13 Luật Trẻ em 2016 quy định về quyền được khai sinh và có quốc tịch như sau: Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ, tên, có quốc tịch; được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật (trước đây quy định tại Điều 11 Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004: “Trẻ em có quyền được khai sinh và có quốc tịch”).

Điều 30 Bộ luật Dân sự 2015 của nước ta quy định, cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh (trước đây quy định tại Điều 29 Bộ luật Dân sự năm 2005). quyền khai sinh được thực hiện theo trình tự thủ tục hành chính nhất định. Về nguyên tắc, từ khi đứa trẻ ra đời, đứa trẻ có quyền được đăng ký khai sinh nhưng đồng thời pháp luật cũng quy định trách nhiệm của cha, mẹ hoặc người chăm sóc đăng ký khai sinh cho trẻ; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em. Qua đó ta thấy, để đảm bảo quyền khai sinh luôn gắn với nghĩa vụ của người đi đăng ký khai sinh.

Theo Điều 14 Luật Hộ tịch thì nội dung đăng ký khai sinh gồm: "Thông tin của người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch; thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú; số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh". Như vậy, ngoài quyền được công nhận sự ra đời với việc xác định ngày, tháng, năm sinh và có họ, tên thì qua đăng ký khai sinh đứa trẻ đó còn có thể được xác định về dân tộc, quê quán; đứa trẻ còn có quyền được biết về cha mẹ của mình, vì vậy các thông tin trong Giấy khai sinh được ghi đầy đủ.

Ngoài các nội dung ở trên, có một quyền đặc biệt ảnh hưởng tới các quyền lợi khác của công dân cũng được thể hiện ngay trong Giấy khai sinh, đó là quyền về quốc tịch. Thông qua Giấy khai sinh có thể xác định được đứa trẻ đó có quốc tịch nước nào, được Nhà nước đó bảo hộ các quyền công dân.

Các nội dung trong Giấy khai sinh là thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân, được ghi vào Sổ hộ tịch, được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hồ sơ, giấy tờ của cá nhân liên quan đến thông tin khai sinh phải phù hợp với nội dung đăng ký khai sinh của người đó.

**II*.* CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ VỀ QUYỀN KHAI SINH**

**1. Chủ thể của quyền**

Điều 30 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh", "Trẻ em sinh ra mà sống được từ hai mươi bốn giờ trở lên mới chết thì phải được khai sinh và khai tử; nếu sinh ra mà sống dưới hai mươi bốn giờ thì không phải khai sinh và khai tử trừ trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ có yêu cầu". Như vậy, theo các quy định này, chủ thể có quyền khai sinh chỉ là trẻ em.

Tuy nhiên, quyền được khai sinh của trẻ em không phải lúc nào cũng được thực hiện đầy đủ. Trong một số trường hợp, người có trách nhiệm là cha, mẹ hoặc người đang chăm sóc, nuôi dưỡng không thực hiện đúng các quy định của pháp luật, vì thế đã ảnh hưởng đến quyền được khai sinh của trẻ em. Thực tế có tình trạng nhiều trường hợp trẻ em quá 60 ngày nhưng vẫn chưa được đăng ký khai sinh, hay do điều kiện lịch sử để lại mà nhiều người lớn tuổi chưa được đăng ký khai sinh lần nào, qua đó cũng chưa có Giấy khai sinh. Chính vì vậy Nghị định 123/2015/NĐ-CP đã quy định thêm một số chủ thể có quyền được khai sinh và có quyền có Giấy khai sinh như:

- Đối với những người đã được đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 nhưng sổ khai sinh và bản chính Giấy khai sinh bị mất thì được đăng ký lại.

- Đối với trường hợp công dân Việt Nam cư trú trong nước, sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 mà chưa được đăng ký khai sinh có yêu cầu đăng ký khai sinh thì UBND xã nơi người đó cư trú thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chưa được đăng ký khai sinh, nếu có hồ sơ, giấy tờ cá nhân ghi nơi sinh tại Việt Nam và có yêu cầu đăng ký khai sinh thì được đăng ký khai sinh.

Theo quy định tại Điều 35 Luật Hộ tịch thì:

"1. Trẻ em được sinh ra tại Việt Nam:

a) Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch;

b) Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam cư trú ở trong nước còn người kia là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài;

c) Có cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài;

d) Có cha và mẹ là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch;

2. Trẻ em được sinh ra ở nước ngoài chưa được đăng ký khai sinh về cư trú tại Việt Nam:

a) Có cha và mẹ là công dân Việt Nam;

b) Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam."

Những trẻ em này đều có quyền đăng ký khai sinh và được cấp Giấy khai sinh theo đúng quy định.

Qua các quy định của pháp luật về hộ tịch nêu trên, có thể thấy chủ thể của Giấy khai sinh không chỉ là trẻ em mới được sinh ra (không có yếu tố nước ngoài) mà cả trẻ em được sinh ra (có yếu tố nước ngoài như Điều 35 Luật Hộ tịch quy định) đều được quyền khai sinh và cả những người chưa được khai sinh hoặc những người đã được khai sinh nhưng Sổ khai sinh và Giấy khai sinh gốc bị mất thì đều có quyền đăng ký khai sinh.

**2. Các chủ thể phải có trách nhiệm, nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền khai sinh**

- Đối với cha, mẹ và người thân thích

Theo quy định tại Điều 97 Luật Trẻ em có quy định "cha mẹ, người chăm sóc trẻ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em đúng thời hạn theo quy định của pháp luật", Điều 15 Luật Hộ tịch quy đinh: "Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em".

Đối với trẻ em bị bỏ rơi thì cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng có trách nhiệm khai sinh cho trẻ em.

- Đối với cơ quan Nhà nước:

Việt Nam đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó mọi cá nhân, tổ chức sống và hoạt động theo các quy định của pháp luật được tôn trọng và bảo vệ. Các cá nhân, tổ chức xâm phạm đến các quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng tới quyền lợi của người khác đều bị xử lý theo đúng quy định. Trong bối cảnh đó, quyền khai sinh của công dân cũng được các cá nhân, tổ chức tôn trọng và không được phép cản trở hay xâm hại.

Theo quy định của Luật Hộ tịch thìChính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về hộ tịch, Bộ Tư pháp thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch, Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch tại Cơ quan đại diện; UBND cấp tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch tại địa phương, UBND cấp huyện thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch tại địa phương và đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài; UBND cấp xã thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch tại địa phương và có nhiệm vụ đăng ký hộ tịch không có yếu tố nước ngoài.

Như vậy, pháp luật Việt Nam đã quy định quyền khai sinh được thực hiện trên thực tế và được bảo đảm thực hiện bằng một hệ thống các cơ quan từ trung ương đến cấp xã, với các cơ quan quản lý từ Chính phủ, cấp Bộ và UBND cấp tỉnh, cơ quan trực tiếp đăng ký khai sinh cho công dân là UBND cấp huyện (nếu có yếu tố nước ngoài) và UBND cấp xã.

**III. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC VÀ VAI TRÒ CỦA VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN KHAI SINH**

**1. Khái niệm bảo đảm quyền khai sinh**

Quyền khai sinh là một trong những quyền đầu tiên của trẻ em. Quyền này được quy định tại Nguyên tắc 3 trong Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1959 ghi nhận: "trẻ em sinh ra có quyền được khai sinh" và khoản 1 Điều 7 Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em có quy định "trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau khi được sinh ra và có quyền có họ tên, có quốc tịch ngay từ khi chào đời và trong chừng mực có thể quyền được biết cha mẹ mình và được cha mẹ mình chăm sóc".

Quyền này cũng được quy định tại các văn bản pháp luật trong nước như: Bộ Luật dân sự, Luật Trẻ em, Luật Hộ tịch...

Điều 29 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định: "Cá nhân khi sinh ra có quyền được khai sinh".

Điều 13 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: "Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ tên, có quốc tịch, được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật".

Như vậy, quyền khai sinh là một trong những quyền nhân thân quan trọng của trẻ em, không chỉ được pháp luật quốc tế quy định và bảo vệ mà pháp luật nước ta cũng thể chế hóa quyền này. quyền khai sinh được quy định trong Bộ luật Dân sự là việc khẳng định sự bảo vệ của Nhà nước đối với giá trị của quyền khai sinh.

Qua nghiên cứu trên thực tế, chưa có một khái niệm chính thống về bảo đảm quyền khai sinh. Tuy nhiên, căn cứ trên các quy định của pháp luật, cũng như những khái niệm của Từ điển Tiếng Việt, qua nghiên cứu các đặc trưng của quyền khai sinh được đảm bảo bởi hành vi khai báo của những người có trách nhiệm trong đăng ký khai sinh và việc ghi nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện quyền khai sinh, có thể hiểu về khái niệm bảo đảm quyền khai sinh ở góc độ việc thực hiện hành vi của cả chủ thể có trách nhiệm và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền được khai sinh được diễn ra và bảo đảm giá trị trên thực tế.

**2. Đặc điểm bảo đảm quyền khai sinh**

*- Mang tính pháp lý*

Quyền khai sinh là một trong những quyền của con người nên phải được bảo đảm bằng các quy định pháp luật và có những chính sách phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

Dưới góc độ Hiến pháp, quyền con người cần được ghi nhận trong Hiến pháp. Hiến pháp không chỉ ghi nhận quyền con người mà còn cần xác lập các nguyên tắc để xây dựng cơ chế bảo đảm thực thi các quyền hiến định, trong đó có quyền được khai sinh và có quốc tịch.

Dưới góc độ luật, để thực hiện các quyền con người trong Hiến pháp, cần ban hành một số văn bản pháp luật liên quan để cụ thể hóa nội dung của các quyền, cũng như các cơ chế và biện pháp bảo đảm thực hiện các quyền hiến định. Ví dụ, để bảo đảm quyền khai sinh và có quốc tịch trong Hiến pháp, Nhà nước ta đã ban hành nhiều quy định trong các văn bản pháp luật như: Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Trẻ em 2016, Luật Quốc tịch 2008, Luật Nuôi con nuôi năm 2010, Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định 123/2015/NĐ-CP; Thông tư 04/2020/TT-BTP.

*- Có tính chấp hành và điều hành*

Tính chấp hành được thể hiện ở mục đích của quản lý Nhà nước về hộ tịch nói chung và bảo đảm quyền khai sinh nói riêng phải được bảo đảm thực thi qua những quy định của các văn bản pháp luật về hộ tịch (trong đó có các văn bản quy định về quyền khai sinh). Các văn bản pháp luật này có tác dụng bảo đảm quyền được khai sinh được thực hiện trên thực tế. Trong quá trình quản lý Nhà nước về hộ tịch, mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước phải được tiến hành trên cơ sở các văn bản pháp luật đó. Để thực hiện pháp luật trên nguyên tắc bảo đảm quyền con người, cơ quan cấp dưới chấp hành các hướng dẫn chỉ đạo của cơ quan cấp trên, địa phương chấp hành trung ương trong công tác hộ tịch nói chung và nội dung về khai sinh nói riêng.

Tính điều hành thể hiện ở chỗ để đảm bảo các văn bản pháp luật quy định về quyền khai sinh được thực hiện trên thực tế, các chủ thể quản lý Nhà nước phải tiến hành hoạt động tổ chức và chỉ đạo trực tiếp đối với các đối tượng quản lý thuộc lĩnh vực này, thực hiện tổ chức đăng ký hộ tịch nói chung và đăng ký khai sinh, tuyên truyền pháp luật, quản lý Nhà nước trên địa bàn.

*- Hoạt động có tính thống nhất chặt chẽ song cần phù hợp với địa phương*

Để thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch nói chung và bảo đảm quyền khai sinh nói riêng, cần áp dụng pháp luật một cách thống nhất trong phạm vi cả nước, không phân biệt vùng, miền. Do tính chất và điều kiện xã hội ở các địa phương không hoàn toàn giống nhau nên việc áp dụng pháp luật về quyền khai sinh phải đảm bảo sự thống nhất trên toàn quốc trong các vấn đề và nguyên tắc lớn, nhưng vẫn phát huy tính sáng tạo của các địa phương trong các vấn đề về quy trình, thủ tục.

*- Là hoạt động đăng ký đầu tiên của cá nhân, do bố mẹ hoặc người giám hộ pháp lý thực hiện*

Hoạt động đăng ký khai sinh là hoạt động đăng ký đầu tiên của một con người nên có ý nghĩa rất quan trọng. Mặc dù vậy, khi một đứa trẻ được sinh ra sẽ chưa thể tự mình thực hiện thủ tục quan trọng này, mà bố mẹ hoặc người thân phải có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh cho trẻ. Khi phát sinh thủ tục này, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải thực hiện ghi vào sổ khai sinh và cung cấp Giấy khai sinh. Đây chính là hành động của Nhà nước trong việc công nhận quyền nhân thân của một con người, trong trường hợp người đó bị vi phạm quyền này thì Nhà nước có cơ sở pháp lý để bảo vệ.

*- Được thực hiện bởi chủ thể có quyền năng*

Ở Việt Nam, việc đăng ký hiện được thực hiện bởi các cơ quan Nhà nước chuyên trách công tác tư pháp - hộ tịch. Các cơ quan này có nghĩa vụ thực hiện các hoạt động nghiệp vụ căn cứ vào các quy định của pháp luật để bảo đảm quyền được đăng ký khai sinh cho mọi cá nhân. Trong thực tế, các chủ thể có thẩm quyền có thể lạm dụng thẩm quyền được giao để đặt ra các điều kiện không cần thiết, dẫn đến vi phạm quyền khai sinh của trẻ em, như: kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, đòi hỏi những giấy tờ không được quy định trong thành phần hồ sơ… Những sự lạm quyền này dẫn đến người dân mất thời gian đi lại, gây phiền hà... Vì vậy, trong quá trình thực hiện chức năng quản lý Nhà nước nói chung và đảm bảo quyền khai sinh nói riêng, Nhà nước luôn phải đặt lợi ích và sự thuận lợi cho người dân lên hàng đầu, đảm bảo quyền nhân thân mà cụ thể là quyền khai sinh không bị vi phạm, có như vậy cải cách hành chính mới thật sự đem lại hiệu quả.

*- Đây là quyền nhân thân không thể tách rời của con người, việc thực hiện quyền khai sinh là cơ sở để thực hiện các quyền khác của con người.*

Quyền khai sinh là một trong những quyền nhân thân không thể tách rời của mỗi con người, phát sinh từ khi con người sinh ra. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam đều đã khẳng định mọi người có quyền được khai sinh. Việc khai sinh sẽ giúp xác định được vị trí pháp lý của cá nhân đối với Nhà nước, xã hội, đối với các quan hệ pháp lý như: xác định người đó là một công dân, là một thành viên của xã hội, qua đó được Nhà nước và xã hội thừa nhận và bảo vệ. Từ quyền khai sinh, con người có căn cứ để thực hiện các quyền khác như quyền được chăm sóc về y tế, giáo dục, quyền được tham gia các giao dịch dân sự, các quyền chính trị khác...

**3.1 Bảo đảm quyền khai sinh**

Để quyền khai sinh được thực hiện trên thực tế, Nhà nước phải có cam kết ở cấp độ cao nhất. Bộ máy Nhà nước từ trung ương đến địa phương đều có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này.

Ở Việt Nam, các cấp ủy Đảng từ Trung ương đến địa phương có trách nhiệm chỉ đạo bộ máy cơ quan Nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người nói chung và quyền khai sinh nói riêng. Chính quyền, đặc biệt là chính quyền cấp cơ sở, có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện các nội dung bảo đảm các quyền con người trong đó có quyền khai sinh. Trong bộ máy chính quyền, Chính phủ là cơ quan chịu trách nhiệm chung, Bộ Tư pháp là cơ quan thực thi nhiệm vụ trên cả nước, UBND cấp tỉnh bảo đảm các quyền trên địa bàn cấp tỉnh đó, Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp tỉnh thực hiện quản lý cũng như hướng dẫn về chuyên môn, UBND cấp huyện thực hiện quản lý và hướng dẫn chuyên môn trên địa bàn, trực tiếp đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài, UBND cấp xã thực hiện quản lý và trực tiếp đăng ký khai sinh trên địa bàn cấp xã.

Xét trên phương diện chuyên môn, đăng ký khai sinh là một trong những nội dung của công tác tư pháp. Ở Việt Nam, hoạt động này không chỉ được sự chỉ đạo của Đảng và thực hiện bởi một hệ thống các cơ quan từ trung ương đến địa phương mà còn được sự quan tâm, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.

Sự vào cuộc của các cấp chính quyền là một trong những yếu tố thuận lợi đảm bảo cho công tác này được triển khai hiệu quả, với các chỉ thị của Tỉnh ủy, những kế hoạch triển khai thực hiện của UBND các cấp giúp cho công tác này được đảm bảo thực hiện trên thực tế, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền khai sinh được thực hiện trọn vẹn.

Việc bố trí đội ngũ cán bộ quản lý công tác hộ tịch từ trung ương đến địa phương cũng như đội ngũ công chức hộ tịch trực tiếp thực hiện việc đăng ký hộ tịch là một trong những bảo đảm quan trọng để công tác đăng ký hộ tịch nói chung và đăng ký khai sinh nói riêng được thi hành.

Việc quy định cán bộ làm công tác hộ tịch là một chức danh chuyên môn, thực hiện các nội dung chuyên sâu về đăng ký và quản lý hộ tịch, đã thể hiện sự quan tâm cũng như đánh giá cao việc bảo đảm thực hiện các quyền của con người về hộ tịch, thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trong đăng ký và quản lý hộ tịch.

***3.2* *Bảo đảm về pháp lý***

Quyền khai sinh là một trong những quyền nhân thân cơ bản của con người, để đảm bảo quyền này được thực hiện trên thực tế, Nhà nước đã ban hành một hệ thống các văn bản pháp luật từ Hiến pháp, các Bộ luật, các luật, và các văn bản dưới luật có nội dung liên quan để đảm bảo thi hành có giá trị trên thực tế.

Hiến pháp năm 2013 có quy định về quyền con người, để cụ thể hóa tinh thần của Hiến pháp, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Trẻ em 2016, Luật Quốc tịch 2008, Luật Nuôi con nuôi năm 2010, Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định 123/2015/NĐ-CP; Thông tư 04/2020/TT-BTP... những văn bản đó đã tạo nên cơ sở pháp lý để đảm bảo quyền khai sinh được thực hiện trên thực tế. Các quy định của pháp luật được thực thi không chỉ bảo đảm quyền lợi của người dân mà còn góp phần vào công tác quản lý, tạo sự ổn định và thúc đẩy xã hội phát triển.

***3.3* *Bảo đảm về xã hội***

Qua hệ thống các văn bản trên chứng tỏ sự quan tâm cũng như tính đồng bộ của hệ thống pháp luật trong việc bảo đảm quyền con người nói chung, quyền khai sinh nói riêng và sự tôn trọng của pháp luật đối với con người, đem lại giá trị cho con người, các quy định đó không chỉ thể hiện Nhà nước tôn trọng quyền công dân mà ngay các quy định của pháp luật cũng buộc mọi công dân phải có trách nhiệm, thái độ tôn trọng quyền của người khác.

Trong xu thế hội nhập, trình độ dân trí cao, xã hội luôn quan tâm đến việc thực hiện và bảo vệ các quyền con người, vì vậy sự quan tâm và trách nhiệm của xã hội cũng là cơ chế để quyền khai sinh được đảm bảo thực hiện.

Cơ chế giám sát và phản biện xã hội qua hệ thống cơ quan Nhà nước như Hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống phản biện qua kênh báo chí hay phản biện thông qua dư luận xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng... là một trong những cơ chế quan trọng đảm bảo thực hiện quyền khai sinh.

Sự giám sát của nhân dân và cơ chế phản biện của xã hội là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy các cơ quan có thẩm quyền thực hiện tốt các quy định của pháp luật, phòng ngừa những tiêu cực, hạn chế lạm quyền trong việc thực hiện quyền lực Nhà nước. Việc công khai, minh bạch là điều kiện thuận lợi để Nhân dân giám sát, đánh giá tính hiệu quả trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

***3.4 Bảo đảm về kinh tế***

Để đảm bảo quyền khai sinh, yếu tố kinh tế cũng rất quan trọng. Cùng với sự phát triển của đất nước thì Nhà nước đã quan tâm đầu tư và tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất cho các cơ quan Nhà nước và người dân thuận lợi hơn trong việc bảo đảm quyền đăng ký khai sinh.

Việc đầu tư cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị cho cán bộ làm việc góp phần thực hiện tốt nhất quyền khai sinh cho công dân. Hệ thống trang thiết bị được đầu tư như trụ sở, máy vi tính, mạng internet, máy in, hệ thống sổ sách, biểu mẫu, giấy tờ... đây là những điều kiện để bảo đảm cho công tác hộ tịch được triển khai đầy đủ và hiệu quả.

Khi đăng ký khai sinh cho trẻ em lệ phí không phải nộp, biểu mẫu, tờ khai được cung cấp miễn phí... yếu tố này đã thúc đẩy việc đăng ký khai sinh, qua đây sẽ thúc đẩy những người có trách nhiệm thực hiện tốt hơn trách nhiệm khai báo để các cơ quan Nhà nước thực hiện việc đăng ký khai sinh theo đúng quy định.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội phát triển, công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực, chính yếu tố công nghệ thông tin đã thúc đẩy công cuộc cải cách hành chính đạt kết quả cao, các thủ tục hành chính được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, góp phần đưa thông tin trong quản lý Nhà nước nói chung và thực hiện đăng ký hộ tịch nói riêng đến gần hơn với người dân, người dân đã thực hiện tốt hơn trách nhiệm trong đăng ký khai sinh.

**4. Vai trò của bảo đảm quyền khai sinh**

**4.1 *Với cá nhân***

Quyền khai sinh là quyền đầu tiên khẳng định trẻ em là công dân của một quốc gia, có vị thế bình đẳng như mọi công dân khác. Đây chính là cơ sở pháp lý phát sinh những quyền và nghĩa vụ khác của công dân, mà quyền đầu tiên của trẻ em là quyền được bảo vệ và chăm sóc. Nói cách khác, thực hiện Giấy khai sinh là tiền đề để trẻ em được hưởng các quyền khác như: quyền được chăm sóc, quyền được học tập, quyền có tài sản… Khi đăng ký khai sinh, trẻ em được cấp Giấy khai sinh, nội dung Giấy khai sinh xác định những thông tin về bản thân của trẻ em như: họ tên; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi sinh; thông tin về cha, mẹ. Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc, mọi hồ sơ giấy tờ khác của cá nhân đó phải có nội dung về họ tên; ngày, tháng, năm sinh... phù hợp với quyền khai sinh. Sau khi đăng ký khai sinh, cá nhân sẽ được thực hiện các quyền lợi khác của công dân như: đăng ký hộ khẩu, làm thẻ bảo hiểm y tế, đi học, làm căn cước công dân... Trẻ em không được đăng ký khai sinh sẽ ảnh hưởng đến việc tiếp cận các dịch vụ thiết yếu như: chăm sóc y tế, giáo dục, hỗ trợ pháp lý, học tập... Trong thực tế, trẻ em không được khai sinh dễ bị xâm hại và bị phân biệt đối xử, thậm chí trở thành nạn nhân của nạn buôn bán người, mại dâm, cưỡng ép tảo hôn...

**4.2 *Với Nhà nước, xã hội, gia đình***

Thực hiện quyền khai sinh của trẻ em cũng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của xã hội vì tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quản lý dân cư từ đó có các chính sách, biện pháp, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, ổn định dân số, chính sách y tế, giáo dục, an ninh quốc phòng phù hợp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công dân.

Việc thực hiện tốt quyền khai sinh của trẻ em giúp Nhà nước có căn cứ để xác định tư cách công dân và xác định các điều kiện được hưởng các quyền.

Xét tổng quan, việc thực hiện khai sinh giúp xã hội ổn định, hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

**IV. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO QUYỀN KHAI SINH CỦA CÔNG DÂN**

**1. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền khai sinh của công dân**

***1.1 Chính trị, văn hoá, xã hội***

Yếu tố chính trị là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu để bảo đảm quyền khai sinh của công dân, cũng như tất cả các quyền con người khác. Nhà nước có vị trí trung tâm của hệ thống chính trị, quyền lực Nhà nước có sức mạnh được bảo đảm thực hiện sức mạnh quyền lực, các chủ thể không tuân theo các quy định của Nhà nước đều bị cưỡng chế thực hiện theo quy định, vì vậy quyền lực Nhà nước có sức mạnh vượt trội so với các quyền lực xã hội khác.

Để bảo đảm quyền khai sinh của công dân thì điều kiện chính trị với cách thức tổ chức, vận hành quyền lực Nhà nước có cơ chế hợp lý để có thể thực hiện hiệu quả ở mức tối đa và có nghĩa vụ bảo đảm thực hiện quyền khai sinh (bởi Nhà nước là chủ thể chính có nghĩa vụ bảo đảm thực hiện quyền con người) và kiểm soát tốt quyền lực Nhà nước để kiềm chế tối đa sự vi phạm quyền con người. Nhà nước vừa có nghĩa vụ tôn trọng quyền khai sinh (không được phép vi phạm, can thiệp tiêu cực) vừa có nghĩa vụ bảo vệ và thực hiện quyền khai sinh thông qua pháp luật, ghi nhận quyền khai sinh và ngăn chặn các hành vi vi phạm quyền này từ các chủ thể khác và phải có những hành động chủ động bảo đảm các điều kiện để quyền khai sinh được thực hiện tốt nhất. Để thực hiện tốt được nghĩa vụ của Nhà nước, điều kiện chính trị phải có được các yếu tố là pháp luật phải được đề cao và các cơ quan Nhà nước phải được tổ chức và hoạt động hiệu quả, trong tất cả các hoạt động của Nhà nước phải tôn trọng, đề cao và bảo đảm quyền con người. Theo Điều 2 Hiến pháp năm 2013: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp".

Đi liền với yếu tố chính trị, các yếu tố về văn hóa, xã hội có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo quyền khai sinh của công dân. Văn hóa là hiện tượng luôn tồn tại, vận động, phát triển trong đời sống xã hội. Điều kiện văn hóa có mối liên hệ mật thiết và tác động qua lại với tất cả các điều kiện khác, đặc biệt là điều kiện chính trị và pháp lý. Chính trị và pháp lý tác động tới văn hóa, có thể làm thay đổi văn hóa. Văn hóa cũng tác động tới chính trị và pháp lý, văn hóa thấm sâu vào đời sống chính trị và tác động vào từng quy định pháp luật khiến cho thượng tầng chính trị và pháp lý của quốc gia này khác với quốc gia khác và khiến cho việc bảo đảm thực hiện quyền con người ở nơi này khác với nơi khác ở những nét đặc thù của từng nơi. Như vậy, sự kết tinh các giá trị của văn hóa không phải thứ bất biến mà nó luôn vận động, phát triển và thay đổi theo thời gian và không gian. Sự phát triển, thay đổi của văn hóa gắn liền với sự phát triển của con người và quyền con người.

Điều kiện văn hóa là yếu tố quan trọng tác động đến việc bảo đảm quyền con người. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo đảm quyền con người thì điều kiện văn hóa phải ngày càng phát triển và thay đổi theo hướng tích cực. Phải hạn chế những tác động tiêu cực của văn hóa, biến đổi nó theo chiều hướng tích cực bằng cách loại bỏ đi những giá trị đã lạc hậu, không phù hợp và đưa vào nó những giá trị mới, phù hợp hơn. Cùng với đó, phải phát huy các tác động tích cực của văn hóa và làm cho nó trở nên phù hợp với các mục tiêu vì con người, với việc bảo đảm quyền con người. Nhà nước ta luôn định hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, điều kiện văn hóa phù hợp với các điều kiện chính trị và pháp luật sẽ đảm bảo tốt hơn quyền khai sinh trên thực tế.

***1.2 Yếu tố pháp lý***

Quyền con người trước tiên là những đặc quyền mà do tự nhiên con người vốn đã có. Tuy nhiên, để con người có những quyền đầy đủ là khi quyền con người được bảo đảm bằng pháp luật, được pháp luật ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ thì các quyền con người mới thể hiện được ra bên ngoài đầy đủ những thuộc tính căn bản của mình, như tính không thể bị tước đoạt. Từ sau cách mạng tháng Tám, năm 1945 đến nay và đặc biệt là từ thời kỳ đổi mới xây dựng đất nước (1986), Nhà nước ta luôn quan tâm và chú trọng xây dựng Nhà nước pháp quyền bảo đảm quyền và tự do cá nhân, bảo đảm các quyền con người. Để bảo đảm các quyền con người cũng như sự ghi nhận con người khi được sinh ra, Nhà nước ta đã ban hành một hệ thống văn bản pháp luật đảm bảo quyền khai sinh được thực hiện trên thực tế như: Năm 1990 Việt Nam đã phê chuẩn Công ước về quyền trẻ em (tại Điều 7 Công ước khẳng định "Trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau khi được sinh ra và có quyền có họ tên, có quốc tịch ngay từ khi chào đời, và trong chừng mực có thể, quyền được biết cha mẹ mình và được cha mẹ mình chăm sóc"). Điều 14 Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật". Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng quy định "cá nhân khi sinh ra có quyền được khai sinh". Luật Quốc tịch năm 2008 quy định một trong những giấy tờ có giá trị xác định quốc tịch Việt Nam trong đó có quyền khai sinh. Luật Trẻ em năm 2016 có quy định: "Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ tên, có quốc tịch, được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính". Luật Hộ tịch đã quy định về trình tự, thủ tục để đảm bảo thực hiện quyền khai sinh trên thực tế. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 123/2015/NĐ-CP và Bộ Tư pháp ban hành thông tư số 04/2020/TT-BTP, Điều 37 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về: “hành vi vi phạm về đăng ký khai sinh”

Như vậy, với một hệ thống các văn bản quy định về quyền khai sinh cũng như các văn bản quy định về trình tự, thủ tục đăng ký khai sinh và nghĩa vụ của người có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh, các văn bản này tạo nên một hệ thống bảo đảm quyền khai sinh được thực hiện trên thực tế.

***1.3 Nhận thức của người dân và các chủ thể liên quan***

Trình độ dân trí của nước ta ngày càng được nâng cao, công tác tuyên truyền pháp luật được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả, thông tin được công khai rộng rãi, đó là những yếu tố thuận lợi giúp cho việc đăng ký khai sinh được thực hiện trên thực tế.

Việc bảo đảm quyền khai sinh không chỉ phụ thuộc vào các cơ quan Nhà nước với các quy định của pháp luật mà còn phải phụ thuộc vào ý thức thực hiện của cả người có quyền và người có trách nhiệm. Nếu người dân không phối hợp và không đi đăng ký khai sinh thì các cơ quan có thẩm quyền cũng không thể thực hiện tốt các nội dung về khai sinh được. Vì vậy, nhận thức của người dân và các chủ thể liên quan đặc biệt quan trọng có ý nghĩa quyết định tới việc đảm bảo quyền khai sinh trên thực tế.

**2. Các điều kiện bảo đảm quyền khai sinh của công dân**

***2.1 Quyết tâm chính trị***

Sự ổn định về chính trị là một trong những điều kiện hết sức quan trọng đảm bảo quyền con người nói chung và quyền khai sinh nói riêng. Khi chính trị ổn định, đất nước hòa bình thì quyền con người được quan tâm và bảo vệ. Sau ngày 30/4/1975, cả nước thống nhất, hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền con người được đề cập, phát huy trong hệ thống văn bản luật và thực hiện rộng rãi trong quá trình phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước ta hiện đang quan tâm xây dựng Nhà nước pháp quyền nhằm đảm bảo đầy đủ các quyền và tự do cá nhân, đảm bảo quyền con người. quyền con người không phải tự nhiên mà có, sự xuất hiện quyền con người và quá trình phát triển của nó gắn liền với sự phát triển của lịch sử loài người trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

Sự chỉ đạo thông suốt của cả hệ thống chính trị, sự vào cuộc của các cấp, các ngành, sự nghiêm túc thực hiện của chính quyền địa phương (những đơn vị trực tiếp bảo đảm thực hiện quyền khai sinh) là quyết tâm chính trị rất lớn, giúp quyền khai sinh được thực hiện trên thực tế.

***2.2 Cơ chế pháp lý***

Trên cơ sở xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền con người, Nhà nước ta đã xây dựng hệ thống các văn bản pháp luật bảo đảm quyền con người nói chung và quyền khai sinh nói riêng. quyền khai sinh được quy định cụ thể tại Bộ luật Dân sự, Luật Trẻ em, Luật Quốc tịch, Luật Nuôi con nuôi, Luật Hộ tịch..., hệ thống các văn bản pháp luật này quy định rất rõ quyền khai sinh, cơ chế bảo đảm thực hiện, thẩm quyền, trình tự thủ tục, trách nhiệm của các cơ quan, chế tài xử lý nếu vi phạm..., tất cả điều đó giúp cho quyền khai sinh được bảo đảm thực hiện.

Pháp luật quy định, đăng ký khai sinh cho trẻ em không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của những cá nhân, tổ chức có trách nhiệm. Những cá nhân, tổ chức có trách nhiệm phải thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ đăng ký khai sinh cho trẻ em.

Nhà nước bảo đảm quyền được đăng ký khai sinh cho trẻ em; cá nhân, tổ chức làm tròn nghĩa vụ đăng ký khai sinh của mình sẽ góp phần phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

***2.3 Nguồn lực***

Để bảo đảm thực hiện quyền khai sinh, Nhà nước không chỉ ban hành hệ thống pháp luật đầy đủ mà còn đầu tư nguồn lực cho việc thực hiện các quy định đó.

Hệ thống các cơ quan đảm bảo việc thực hiện quyền khai sinh thuộc trách nhiệm từ Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cá nhân, tổ chức có liên quan. Như vậy, có thể thấy trách nhiệm tổng thể của hệ thống các cơ quan Nhà nước trong việc bảo đảm và thực hiện quyền khai sinh.

Để đảm bảo cho hệ thống các cơ quan thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quyền khai sinh, Nhà nước đã đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực về tài chính cho hệ thống cơ quan này hoạt động ổn định và hiệu quả (bảo đảm quyền khai sinh chỉ là một trong các nhiệm vụ của các cơ quan).

Đội ngũ cán bộ cũng được bố trí từ Trung ương đến địa phương, ở Bộ Tư pháp cơ quan giúp Bộ thực hiện nhiệm vụ này là Phòng Hộ tịch thuộc Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, ở cấp tỉnh Sở Tư pháp có Phòng Hành chính tư pháp, ở cấp huyện là Phòng Tư pháp và ở cấp xã cán bộ thực hiện trực tiếp là công chức Tư pháp hộ tịch.

Ngoài các nguồn lực do Nhà nước đầu tư thì nguồn lực của xã hội cũng góp phần không nhỏ đảm bảo cho quyền khai sinh được thực hiện trên thực tế, các chương trình quốc tế về đảm bảo quyền khai sinh, sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội đã giúp cho quyền khai sinh được thực hiện thuận lợi, vừa đảm bảo mục đích quản lý của Nhà nước vừa bảo vệ được quyền lợi của người dân.

**V. CÁC THÀNH TỐ CỦA BẢO ĐẢM QUYỀN KHAI SINH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH Ở VIỆT NAM**

**1. Ghi nhận quyền khai sinh trong hệ thống pháp luật**

Ngoài quy định của Hiến pháp năm 2013 ghi nhận QCN và Công ước về quyền trẻ em ghi nhận "*Trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau khi được sinh ra*", còn có nhiều văn bản pháp luật khác có liên quan của Việt Nam đề cập đến quyền được khai sinh của trẻ em. Có thể chia các quy định của pháp luật về quyền khai sinh của trẻ em ở Việt Nam dưới hai góc độ sau:

+ Các văn bản pháp luật về nội dung quy định quyền và nguyên tắc thực hiện QKS, gồm: Hiến pháp, Bộ luật Dân sự; Luật quốc tịch; Luật trẻ em….

+ Các văn bản pháp luật quy định về quy trình, thủ tục cụ thể để bảo đảm thực hiện quyền khai sinh gồm: Luật Hộ tịch, Nghị định 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP; Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT- BNG-BTP ...

Như vậy, pháp luật của nước ta về vấn đề này cơ bản có sự hoàn chỉnh, thống nhất và đồng bộ giữa các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật trong nước, giữa các quy định ở những văn bản pháp luật trong nước qua các cấp độ khác nhau. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng, là yếu tố tiên quyết bảo đảm quyền khai sinh được thực thi trên thực tế.

**2. Quy định trách nhiệm và phương thức bảo đảm quyền khai sinh trong hệ thống pháp luật**

Luật Hộ tịch đã quy định rất rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm quyền khai sinh. Quyền khai sinh là một trong những quyền đầu tiên của con người và được thực hiện trên cơ sở các quy định của pháp luật, Luật Hộ tịch quy định trách nhiệm của các cơ quan thực hiện nhiệm vụ hộ tịch như sau:

Tại Điều 8 Luật hộ tịch quy định về bảo đảm thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch:"Nhà nước có chính sách, biện pháp đồng bộ, tạo điều kiện để cá nhân thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch"; "Nhà nước bảo đảm ngân sách, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, đầu tư phát triển công nghệ thông tin cho hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch".

Trách nhiệm của các cơ quan trong việc bảo đảm quyền khai sinh từ trung ương đến chính quyền cơ sở đó là:

+ Chính phủ chịu trách nhiệm thống nhất quản lý Nhà nước về hộ tịch.

+ Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch.

+ Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch tại Cơ quan đại diện; Cơ quan đại diện thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch của công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài.

+ Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác hộ tịch.

+ UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch tại địa phương.

+ Sở Tư pháp giúp UBND cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quản lý Nhà nước về hộ tịch trên địa bàn.

+UBND cấp huyện thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch tại địa phương; UBND cấp xã thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch tại địa phương.

Theo quy định của Luật Hộ tịch, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch tại địa phương mình, trong đó bao gồm các hoạt động như: Hướng dẫn, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch; Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch; Căn cứ quy định của Chính phủ, quyết định việc bố trí công chức làm công tác hộ tịch ở cấp huyện, cấp xã; bảo đảm cơ sở vật chất để phục vụ hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch; Quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy định; Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hộ tịch theo thẩm quyền; Thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do UBND cấp huyện cấp trái quy định của Luật Hộ tịch, trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật; Định kỳ tổ chức việc bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch; Tổng hợp tình hình và thống kê hộ tịch báo cáo Bộ Tư pháp. Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và những vi phạm trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch do buông lỏng quản lý.

Về lĩnh vực hộ tịch, Sở Tư pháp giúp UBND cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ: Hướng dẫn, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, đồng thời đảm nhiệm các công việc như: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về hộ tịch; Quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy định; Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hộ tịch theo thẩm quyền; Định kỳ tổ chức việc bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch; Tổng hợp tình hình và thống kê hộ tịch báo cáo Bộ Tư pháp.

**3. Quy định cơ chế bảo đảm thực thi quyền khai sinh: giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quyền khai sinh**

Để đảm bảo hoạt động đăng ký khai sinh cũng như đảm bảo quyền khai sinh được thực hiện trên thực tế, tuân thủ các quy định của pháp luật, tránh những sai sót và bảo vệ quyền lợi của người dân, pháp luật nước ta cũng đã quy định rõ ràng về cơ chế giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quyền khai sinh.

Theo quy định của Luật Hộ tịch, Chính phủ có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch trên phạm vi toàn quốc, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hộ tịch trên địa bàn tỉnh; UBND huyện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hộ tịch trên địa bàn huyện. Như vậy, hoạt động thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo nguyên tắc đơn vị cấp trên có quyền thanh tra, kiểm tra đơn vị cấp dưới. Hoạt động này là một trong những nội dung của hoạt động quản lý Nhà nước, qua thanh tra, kiểm tra có thể phát hiện những sai sót và kịp thời chấn chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, đảm bảo tốt nhất quyền lợi của người dân.

Bảo đảm quyền khai sinh được thực hiện trên cơ sở việc thực thi nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền và việc thực hiện của những người có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em (cha, mẹ hoặc người thân thích hoặc người đang nuôi dưỡng trẻ em đó có trách nhiệm đi khai sinh cho trẻ em). Do đó, để đảm bảo thực hiện tốt quyền khai sinh, pháp luật quy định rõ trách nhiệm việc đi đăng ký khai sinh của người có nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước và người được giao nhiệm vụ trong việc đảm bảo thực hiện quyền khai sinh.

Đối với người có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em mà có hành vi vi phạm quy định về đăng ký khai sinh sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020.

Đối với công chức làm công tác hộ tịch, Điều 74 Luật Hộ tịch quy định rõ không được làm những việc như: Cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, trì hoãn, gây khó khăn, phiền hà, nhận hối lộ khi đăng ký, quản lý hộ tịch; Thu lệ phí hộ tịch cao hơn mức quy định hoặc đặt ra các khoản thu khi đăng ký hộ tịch; Đặt ra thủ tục, giấy tờ, cố ý kéo dài thời hạn giải quyết đăng ký hộ tịch trái quy định của Luật Hộ tịch; Tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch; Đăng ký, cấp giấy tờ về hộ tịch trái quy định của Luật Hộ tịch; Tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật cá nhân mà biết được qua đăng ký hộ tịch. Công chức làm công tác hộ tịch vi phạm các quy định trên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

UBND cấp xã chịu trách nhiệm trong đăng ký và quản lý Nhà nước về hộ tịch (trong đó có đăng ký khai sinh) ở địa phương, Chủ tịch UBND cấp xã thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc việc khai sinh, khai tử; chịu trách nhiệm về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và những vi phạm trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch do buông lỏng quản lý.

UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trong đăng ký và quản lý Nhà nước về hộ tịch (trong đó có đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện) ở địa phương, Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và những vi phạm trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch do buông lỏng quản lý.

UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện quản lý Nhà nước về hộ tịch. Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và những vi phạm trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch do buông lỏng quản lý.

Đối với những hành vi vi phạm quy định về đăng ký khai sinh cũng bị xử lý trách nhiệm.

**4. Quy định cơ chế bảo vệ, khen thưởng**

Đăng ký khai sinh là một trong nhưng nội dung của công tác đăng ký hộ tịch và cũng là nhiệm vụ của cơ quan hành chính, hoạt động này tuy được thực hiện theo các quy định riêng về đăng ký khai sinh và đăng ký hộ tịch, song trong quá trình hoạt động đăng ký khai sinh các chủ thể tham gia như công chức tư pháp hộ tịch, UBND hoặc Chủ tịch UBND thực hiện các nhiệm vụ vẫn chịu sự điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật khác như luật về cán bộ công chức, luật tổ chức chính quyền địa phương, luật về ngân sách, luật về thi đua khen thưởng.... Tất cả các văn bản đó tạo nên cơ chế vận hành và là những quy định để bảo vệ, khuyến khích hoạt động đăng ký hộ tịch đạt hiệu quả.

Hàng năm, công tác thi đua khen thưởng luôn được thực hiện với đội ngũ cán bộ, công chức hành chính nói chung trong đó có đội ngũ công chức hộ tịch. Qua đó tạo cơ chế khuyến khích đội ngũ này thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, tạo nên phong trào thi đua sôi nổi cùng nhau bảo đảm quyền lợi của công dân.